

Số: 690/BC-UBND

An Giang, ngày 31 tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019,
và phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2020**
(Tài liệu phục vụ họp Tổ Đại biểu trước kỳ họp cuối năm
HĐND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021)

PHẦN THỨ NHẤT

Tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2019

Năm 2019 tình hình thế giới diễn biến phức tạp và có nhiều yếu tố không thuận lợi. Kinh tế thế giới, thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm lại; cạnh tranh chiến lược và căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn gia tăng. Trong khi đó, những khó khăn, hạn chế nội tại của nền kinh tế và thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống người dân, ... nhưng với sự tập trung lãnh đạo của Tỉnh ủy, chỉ đạo điều hành quyết liệt của UBND tỉnh, giám sát của HĐND tỉnh, cùng sự nỗ lực và đồng thuận của các ngành, các cấp, doanh nghiệp đã tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 21/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.

Dự ước kết quả kinh tế - xã hội tỉnh năm 2019 đạt nhiều kết tích cực, đến cuối năm thực hiện đạt và vượt 13/13 chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh (đạt 100% chỉ tiêu), trong đó có 08 chỉ tiêu đạt và 05 chỉ tiêu vượt, Cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ HĐND 2019	Ước 2019	So sánh
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP (Giá SS 2010)	%	7,00 – 8,00	7,02	Đạt
	- Khu vực Nông, lâm, thủy sản	%	2,63 – 3,34	2,65	
	- Khu vực Công nghiệp và Xây dựng	%	9,36 – 10,30	9,40	
	- Khu vực Dịch vụ	%	9,02 – 10,25	8,90	
	- Thuế SP trừ trợ giá chính sách	%	1,47	7,00	
2	Cơ cấu kinh tế				Đạt

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ HĐND 2019	Ước 2019	So sánh
	- Khu vực Nông, lâm, thủy sản	%	27,59 – 27,65	28,17	
	- Khu vực Công nghiệp và Xây dựng	%	15,08	15,13	
	- Khu vực Dịch vụ	%	55,67 – 55,75	55,09	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ giá chính sách	%	1,58 – 1,59	1,61	
3	Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân	Triệu đồng/ha	183	183	Đạt
4	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	890	890	Đạt
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	30.179	30.248	Vượt
6	Thu ngân sách từ kinh tế địa bàn	Tỷ đồng	6.080	6.700	Vượt
7	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân	%	62,5	62,5	Đạt
8	Tỷ lệ hộ nghèo	%	3,75	<3	Vượt
9	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	<4	<4	Đạt
10	Tỷ lệ dân tham gia bảo hiểm y tế	%	86,2	86,2	Đạt
11	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường	22,01	25,36	Vượt
12	Tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh phân tán	%	22,4	22,4	Đạt
13	Phần đầu xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	57	61	Vượt

I. Lĩnh vực kinh tế

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế:

Tổng sản phẩm GRDP trên địa bàn ước thực hiện năm 2019 (theo giá so sánh 2010) tăng 7,02% so cùng kỳ năm trước; cao hơn mức tăng năm trước (cùng kỳ năm 2018 tăng 5,23%). Trong mức tăng 7,02% thì khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,65% (cao hơn mức tăng 1,83% của cùng kỳ năm 2018); khu vực Công nghiệp - Xây dựng tăng 9,40%, (cao hơn mức tăng 7,81% của cùng kỳ năm trước); khu vực dịch vụ tăng 8,90%, (cao hơn mức tăng 6,60% của cùng kỳ năm trước).

Về cơ cấu kinh tế năm 2019, tiếp tục chuyển biến theo hướng tích cực và dần ổn định (khu vực I ngày càng giảm và khu vực II, III tăng dần qua các năm), cụ thể: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 28,17%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 15,13%; khu vực dịch vụ chiếm 55,09%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 1,61% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

2.1. Nông nghiệp

a) Trồng trọt

- *Cây hàng năm*: Tính chung cả năm 2019, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt khoảng 680,1 ngàn ha, đạt 100,5% so KH, bằng 100,4% (tăng 2.451 ha) so năm 2018; trong đó, diện tích lúa 625,4 ngàn ha, đạt 100,89%, bằng 100,38% (tăng 2.389 ha) và diện tích màu hơn 54,7 ngàn ha, đạt 95,96% và bằng 100,11% (tăng 62 ha).

Vụ Thu Đông, ước năng suất lúa ước tương đương cùng kỳ, nên bình quân chung cả năm 2019, năng suất ước đạt 62,71 tạ/ha, bằng 99,5% (giảm 0,31 tạ/ha) so với năm 2018. Tổng sản lượng lúa cả năm đạt gần 3,92 triệu tấn (giảm 5 ngàn tấn), trong đó sản lượng nếp và các giống lúa chất lượng đạt khoảng 1,050 triệu tấn, tăng 73,7 ngàn tấn so cùng kỳ.

- *Cây lâu năm*: Dự kiến đến cuối năm, toàn tỉnh sẽ thực hiện trồng mới thêm khoảng 173 ha, qua đó nâng tổng diện tích cây lâu năm toàn tỉnh lên gần 17,9 ngàn ha, tăng 3,68% (tăng 634 ha) so với năm 2018. Trong đó, diện tích cây ăn quả 15,6 ngàn ha, chiếm khoảng 87,34% so tổng số, tăng 4,2% (tăng 628 ha); diện tích cho sản phẩm ước đạt 13,2 ngàn ha, tăng 800 ha. Tổng sản lượng các loại cây lâu năm cả năm 2019 ước đạt 241 ngàn tấn, tăng 13,87% (tăng 29 ngàn tấn) so với năm 2018.

b) Chăn nuôi

Ngành chăn nuôi trong năm 2019 gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng dịch tả lợn Châu Phi. Đến ngày 18/10/2019, trên địa bàn tỉnh có 1.239 điểm dịch tại 129 xã, phường, thị trấn thuộc 10 huyện, thị xã, thành phố. Tổng số heo đã tiêu hủy trên địa bàn tỉnh là 28.183 con. Tổng trọng lượng heo đã tiêu hủy là 1.781.115kg. Đã triển khai hỗ trợ các hộ chăn nuôi có heo bị dịch tả Châu Phi buộc phải tiêu hủy với tổng kinh phí đã phê duyệt là 25.549.540.000 đồng, đạt 52%.

Mô hình nuôi bò vỗ béo gần đây mang lại hiệu quả không cao nên nhiều hộ đã ngưng nuôi nên quy mô có xu hướng giảm. Ước tính sản lượng thịt hơi xuất chuồng cả năm khoảng 28.400 tấn, bằng 92,12% (giảm 2,4 ngàn tấn) so cùng kỳ, trong đó, sản lượng thịt hơi trâu bò xuất chuồng khoảng 6,2 ngàn tấn, bằng 90,05%; heo hơi xuất chuồng khoảng 15 ngàn tấn, bằng 87,98% (trong đó, doanh nghiệp cung cấp cho thị trường khoảng 2,2 ngàn tấn, tăng gấp 1,5 lần so cùng kỳ); thịt gia cầm khoảng 6,2 ngàn tấn, tăng 4,42%; trứng gia cầm khoảng 375 triệu quả, tăng 3,93% (trong đó, trứng vịt 373 triệu quả, tăng 3,93%).

2.2. Lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng được thực hiện chăm sóc 1.560 ha, tăng 2,46% (tăng 37,47 ha) so cùng kỳ. Trồng mới rừng tập trung 350 ha, tăng 0,78%

(tăng 2,7 ha) so cùng kỳ. Cây phân tán trồng mới 2,932 triệu cây, bằng 76,12% (giảm 920 ngàn cây) so cùng kỳ. Ước tính sản lượng gỗ khai thác trong năm khoảng 34.692 m³, tăng 2% (tăng 680m³) và 299.790 ster củi, tăng 2,0% (tăng 5.876 ster) so cùng kỳ. Bên cạnh hai sản phẩm chủ lực, các hộ sản xuất lâm nghiệp còn thu hoạch được 4,7 triệu cây tre trúc, tăng 5% (tăng 224 ngàn cây); 6.917 tấn măng tươi, tăng 3% (tăng 202 tấn); lá gòn 100 tấn, tăng 3,09% (tăng 3 tấn); me chua 87 tấn, tăng 6,10% (tăng 5 tấn) so cùng kỳ năm trước.

2.3. Thủy sản

Trước những yêu cầu khắc khe của thị trường xuất khẩu, ngành cá tra từng bước nâng cao chất lượng nguyên liệu (mở rộng diện tích nuôi áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng VietGap, GlobalGAP,...), đồng thời tăng cường chuỗi liên kết gắn doanh nghiệp với người nuôi, nhờ vậy sản lượng tiếp tục tăng khá.

Ước sản lượng thủy sản cả năm đạt 532,6 ngàn tấn, so cùng kỳ năm trước tăng 9,41% (tăng 45,8 ngàn tấn), trong đó nuôi trồng đạt 513 ngàn tấn, tăng 10,64% (tăng 49,3 ngàn tấn) và khai thác đạt 19,6 ngàn tấn, bằng 84,69% (giảm 3,5 ngàn tấn) do mực nước lũ thấp, nguồn lợi thủy sản tự nhiên cũng hạn chế nên sản lượng khai thác bị sụt giảm nhiều.

2.4. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

Tiếp tục thực hiện theo kế hoạch của năm, triển khai Chương trình hành động của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. Ước đến cuối năm 2019 có 61/119 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tăng 12 xã so với năm 2018. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lễ công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố Châu Đốc, thành phố Long Xuyên và huyện Thoại Sơn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

2.5. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và tổ hợp tác nông nghiệp

Trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh có 05 HTX nông nghiệp thành lập mới (huyện Tri Tôn 02 HTX, huyện Châu Phú 01 HTX, huyện Phú Tân 01 HTX và huyện Châu Thành 01 HTX). Tính đến nay, tổng số HTX nông nghiệp, liên hợp HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh là 135 (trong đó có 15 HTX đã ngưng hoạt động gồm 14 HTX nông nghiệp và 01 liên hợp HTX). Đã giải thể 03 HTX gồm HTX Hòa Hưng, HTX Đông Hưng và HTX nông lâm nghiệp và dịch vụ Vĩnh Trung.

Triển khai Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020, đến nay Ban chỉ đạo đã làm việc với 08/09 nhân sự được hỗ trợ làm việc tại các HTX tham gia thí điểm theo Quyết định số 445/QĐ-TTg, kết quả: Các nhân sự được hỗ trợ đều được Hội đồng quản trị HTX bố trí thực hiện những vị trí chủ chốt của HTX, mặc dù trong thời gian ngắn, song các nhân sự này đã bước đầu phát

huy được những ưu thế, mang lại hiệu quả cho các HTX; đồng thời cũng đã nhắc nhở các HTX quan tâm và thực hiện ngay theo đúng quy định về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho nhân sự được hỗ trợ.

3. Công nghiệp – Xây dựng

3.1. Sản xuất công nghiệp

Ước giá trị sản xuất công nghiệp năm 2019 theo giá so sánh 2010 đạt 32.036,4 tỷ đồng, tăng 9,87% so với năm 2018; trong đó: Ngành khai khoáng ước đạt 251 tỷ đồng, tăng 1,64%; ngành chế biến ước đạt 30.624 tỷ đồng, tăng 9,23%; ngành sản xuất và phân phối điện ước đạt 701,4 tỷ đồng tăng 49,37% (do tăng về giá trị của sản lượng điện mặt trời); ngành cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải ước đạt 460 tỉ đồng, tăng 13,39% so với cùng kỳ.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng cao so cùng kỳ năm trước là: Phi lê đông lạnh tăng 15,7%; sản phẩm ba lô ước tăng 36,08%; xi măng Proland tăng 4,2%; điện thương phẩm tăng 9,2%; dịch vụ thu gom rác thải không độc hại tăng 59,9%.

Tình hình hoạt động các khu công nghiệp: Đến nay, Khu công nghiệp Bình Hòa có 15 có dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, với tổng diện tích đất cho thuê là 84 ha (tỷ lệ lấp đầy đạt 84%), trong đó có 04 dự án đầu tư nước ngoài. Tổng vốn đăng ký đầu tư của các doanh nghiệp là 4.095 tỷ đồng, đến nay có 12 dự án đã đưa vào hoạt động sản xuất, kinh doanh giải quyết việc làm cho 10.294 lao động.

Khu công nghiệp Bình Long, có 10 dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư còn hiệu lực với diện tích đất cho thuê 21 ha (tỷ lệ lấp đầy đạt 100%), trong đó có 02 dự án đầu tư nước ngoài. Tổng vốn đăng ký đầu tư của các doanh nghiệp là 1.568 tỷ đồng, tổng vốn đã thực hiện đầu tư của các doanh nghiệp là 1.023 tỷ đồng, đến nay có 09 dự án đã đi vào hoạt động, giải quyết việc làm cho trên 1.691 lao động.

Khu kinh tế cửa khẩu Tịnh Biên, đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 03 dự án với tổng diện tích thuê đất là 7,6 ha, tổng vốn đăng ký đầu tư 244 tỷ đồng; hiện 02 dự án đang hoạt động và 01 dự án đang thực hiện thủ tục về chấm dứt hoạt động. Khu kinh tế cửa khẩu Khánh Bình, có 03 dự án gồm các ngành nghề với tổng diện tích thuê đất là 7,4 ha, tổng vốn đăng ký đầu tư 291 tỷ đồng; Hiện có 01 dự án đã đi vào hoạt động giai đoạn 1; 01 dự án đang triển khai xây dựng và 01 dự án đang thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường, xây dựng, PCCC. Khu kinh tế cửa khẩu Vĩnh Xương, đã cấp 01 GCNĐKĐT cho dự án cây xăng, bãi xe, trạm dừng chân kinh doanh ăn uống, bán hàng đặc sản của Cty TNHH MTV Xăng Dầu Hữu Nhân, tổng vốn đăng ký đầu tư 23 tỷ đồng, với diện tích thuê 0,9 ha.

3.2. Xây dựng

Ước giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá so sánh năm 2010 đạt 8.172 tỷ đồng, tăng 8,01% so cùng kỳ năm trước, trong đó công trình nhà ở đạt 4.264 tỷ đồng, tăng 7,44%; nhà không ở đạt 2.151 tỷ đồng, tăng 6,94%; công trình kỹ thuật dân dụng đạt 1.390 tỷ đồng, tăng 12,46%; hoạt động xây dựng chuyên dụng đạt 467 tỷ đồng, tăng 5,28%...

3.3. Đầu tư xây dựng

Ước giá trị giải ngân vốn đầu tư xây dựng cả năm 2019 là 3.907 tỷ đồng, đạt 93,92% kế hoạch (4.160,7 tỷ đồng). Tỷ lệ giải ngân cao hơn 4,74% năm 2018 (năm 2018 đạt 89,18%). Trong đó: (1) nguồn vốn đầu tư tập trung 1.165,4 tỷ đồng, đạt 94,87% kế hoạch; (2) nguồn vốn thu sử dụng đất 306,7 tỷ đồng, đạt 113,3% kế hoạch; (3) Nguồn vốn xã số kiến thiết 1.447,6 tỷ đồng, đạt 98,95% kế hoạch; (4) vốn ngân sách trung ương 493 tỷ đồng, đạt 93,37% kế hoạch; (5) vốn nước ngoài 494,8 tỷ đồng, đạt 73,71% kế hoạch.

4. Hoạt động Dịch vụ - Du lịch

4.1. Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng:

Ước tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2019 đạt 216.593 tỷ đồng, tăng 12,29% so cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng (CPI) 09 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn tỉnh tăng 2,76% (chỉ số giá tiêu dùng bình quân 09 tháng của cả nước tăng 2,5%).

4.2. Xuất, nhập khẩu:

Ước kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2019 đạt 890 triệu USD, đạt 100% so KH và tăng 5,95% so cùng kỳ năm trước. Một số mặt hàng chủ yếu của tỉnh: Thủy sản đông lạnh, xuất 113.000 tấn, tương đương 273,5 triệu USD, so cùng kỳ bằng 97,84% về lượng và bằng 95,3% về kim ngạch. Gạo, xuất 454.200 tấn, tương đương 223,8 triệu USD, so cùng kỳ bằng 95,62% về lượng và bằng 93,25% về kim ngạch. Rau quả đông lạnh, xuất đạt 9.500 tấn, tương đương 16 triệu USD, so cùng kỳ tăng 7,95% về lượng và tăng 6,67% về kim ngạch. Hàng may mặc (Quần áo + ba lô) xuất được 130 triệu USD, so cùng kỳ tăng 13,04%.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu cả năm 2019 ước đạt 160 triệu USD, so cùng kỳ tăng 6,67%.

Ước tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu qua các cửa khẩu biên giới An Giang 10 tháng đầu năm 2019 đạt trên 1,69 tỷ USD, tăng 20% so cùng kỳ. Trong đó: xuất, nhập trực tiếp đạt trên 418 triệu USD, tăng 42% so với cùng kỳ, hàng hoá đăng ký nơi khác thực hiện xuất khẩu qua cửa khẩu An Giang đạt trên 1,27 tỷ USD, tăng 15% so với cùng kỳ.

4.3. Hoạt động vận tải:

Ước năm 2019, tổng doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 5.327 tỷ đồng, tăng 10,71% so cùng kỳ; trong đó, doanh thu vận tải đường bộ đạt 3.130 tỷ đồng, tăng 10,89%; doanh thu vận tải đường thủy đạt 1.946 tỷ đồng, tăng 10,36%; doanh thu kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải đạt 251 tỷ đồng, tăng 11,24%.

4.4. Du lịch:

Các cơ sở kinh doanh du lịch tiếp tục được đầu tư, nhiều loại hình dịch vụ phát triển đa dạng; công tác quản lý ở các khu, điểm tham quan du lịch ngày được cải thiện, hạn chế tình trạng chèo kéo du khách. Ước cả năm 2019, An Giang đón khoảng 9,2 triệu lượt khách tham quan, du lịch, tăng 8,24% so với cùng kỳ năm 2018 (cùng kỳ 8,5 triệu lượt), đạt 100% so với kế hoạch năm 2019. Trong đó, khách quốc tế ước đạt 120 nghìn lượt tăng 20% so với cùng kỳ (cùng kỳ 100 nghìn lượt); Doanh thu từ hoạt động du lịch ước đạt 5.500 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch năm và tăng 14,58% so với cùng kỳ năm 2018 (cùng kỳ 4.800 tỷ đồng).

5. Tình hình phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư

- *Tình hình đăng ký doanh nghiệp:* Tính từ đầu năm đến ngày 16/10/2019, số doanh nghiệp đăng ký mới là 582 doanh nghiệp, với tổng số vốn đăng ký là 4.186 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2018, số doanh nghiệp đăng ký tăng 0,17% (tăng 01 doanh nghiệp), về số vốn đăng ký tăng 1,92% (tăng 79 tỷ đồng). Cũng trong thời gian này có 104 doanh nghiệp giải thể, tăng 6,12% (tăng 06 doanh nghiệp) so với cùng kỳ năm 2018; số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động là 196 doanh nghiệp, tăng 12,64% (tăng 22 doanh nghiệp) so với cùng kỳ.

Lũy kế đến nay, số doanh nghiệp đăng ký là 9.915 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký là 59.070 tỷ đồng. Trong đó, còn 5.481 doanh nghiệp đang hoạt động, với tổng vốn đăng ký là 50.964 tỷ đồng.

- *Tình hình thu hút đầu tư:* Từ đầu năm đến ngày 16/10/2019, trên địa bàn tỉnh có 59 dự án đăng ký đầu tư mới (trong đó, có 01 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, 58 dự án đầu tư trong nước) với tổng vốn đăng ký 59 dự án là 6.903 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2018, số dự án bằng 89,39% (giảm 07 dự án) và tổng vốn đăng ký bằng 31,25% (giảm 15.047 tỷ đồng).

- *Tình hình triển khai thực hiện 26 dự án với tổng vốn đăng ký là 27.658 tỷ đồng đã trao Quyết định chủ trương đầu tư tại Hội nghị Xúc tiến đầu tư tỉnh năm 2018:* Đến nay đã có 2 dự án hoàn thành đưa vào hoạt động với tổng vốn đăng ký 2.276 tỷ đồng, 07 dự án với tổng vốn đăng ký là 4.843 tỷ đồng đã hoàn thành một phần hoặc toàn bộ thủ tục đất đai, quy hoạch, xin phép xây dựng và đang tiến hành xây dựng; 04 dự án với tổng vốn đăng ký 3.715 tỷ đồng đã hoàn thành công tác tạo quỹ đất, đang làm thủ tục đất đai và xin phép xây dựng; 12 dự án với tổng vốn đăng ký 12.274 tỷ đồng đang thỏa thuận bồi hoàn để tạo quỹ đất và triển khai các thủ tục khác; 01 dự án

với vốn đăng ký là 4.550 tỷ đồng chưa triển khai mà nguyên nhân chủ yếu từ phía nhà đầu tư.

- *Tình hình triển khai thực hiện 10 dự án đề xuất với tổng số vốn dự kiến là 104.900 tỷ đồng đã ký Biên cam ghi nhớ cam kết đầu tư tại Hội nghị Xúc tiến đầu tư tỉnh năm 2018:* Đến nay có 02 dự án đã gửi hồ sơ Đồ án quy hoạch phân khu đến cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt (dự án Khu đô thị Nam thành phố Long Xuyên của Tập đoàn FLC và Khu đô thị mới Bình Khánh của Tập đoàn T&T), 01 dự án đã trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết 1/500 (Khu đô thị New Green City của Cty TNHH SX-TM-DV Thái Bảo); 02 dự án đang trong giai đoạn lập nhiệm vụ quy hoạch phân khu hoặc tổng mặt bằng (dự án Khu đô thị du lịch Mỹ Hòa Hưng của Tập đoàn T&T và dự án Tổ hợp Khách sạn 5 sao, trung tâm thương mại và Shophouse Long Xuyên để khai thác Sân vận động cũ); 01 dự án đã có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng để thực hiện dự án (Trung tâm thương mại dịch vụ kết hợp Căn hộ cao cấp Long Xuyên); 01 dự án đầu tư ba Siêu thị Coopmart trên địa bàn tỉnh của Saigon.Coop đang triển khai các thủ tục để cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và xây dựng (hai Siêu thị Coopmart tại huyện Chợ Mới đã tổ chức đấu giá lần 2 đang chờ kết quả và một Siêu thị Coopmart tại huyện Thoại Sơn đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đang triển khai xây dựng), 01 dự án đang thỏa thuận tạo quỹ đất (Dự án Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tập trung quy mô công nghiệp của Tập đoàn TH); 01 dự án đang nghiên cứu cơ chế để hợp tác (Dự án Xây dựng KCN UDCNC của Tập đoàn Tiran – Israel); 01 dự án nhà đầu tư xin dừng triển khai (Khu du lịch và sân golf hồ Tà Lọt thuộc KDL núi Cẩm của Tập đoàn T&T).

6. Tài chính – Ngân hàng

- *Tài chính:* Công tác thu chi, điều hành, quản lý ngân sách được đảm bảo và kịp thời. Tổng thu ngân sách từ kinh tế địa bàn ước thực hiện năm 2019 là 6.700 tỷ đồng, đạt 110,2% so dự toán, bằng 111,8% so cùng kỳ, bao gồm: thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 460 tỷ đồng, đạt 260,6% so dự toán, bằng 240,5% so cùng kỳ; Thu nội địa 6.240 tỷ đồng, đạt 105,7% so dự toán, bằng 107,6% so cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện là 13.855 tỷ đồng, đạt 103% so dự toán, bằng 104,7% so cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển là 4.320 tỷ đồng, đạt 107,1% so dự toán, bằng 118,5% so cùng kỳ; Chi thường xuyên 9.438 tỷ đồng, đạt 102,7% so dự toán, bằng 103,8% so cùng kỳ.

- *Ngân hàng:* Hoạt động huy động vốn: Tổng số dư vốn huy động ước thực hiện đến cuối tháng 9/2019 là 52.883 tỷ đồng, so cuối năm 2018 tăng 15,12%; trong đó huy động trên 12 tháng 19.970 tỷ đồng, chiếm 37,76%/tổng số dư vốn huy động.

Hoạt động tín dụng: Tổng dư nợ ước thực hiện đến cuối tháng 9/2019 là 69.076 tỷ đồng, so với cuối năm 2018 tăng 5,61%. Trong đó, dư nợ ngắn hạn là 47.889 tỷ đồng chiếm 69,33%; dư nợ trung, dài hạn là 21.187 tỷ đồng chiếm 30,67%.

II. Lĩnh vực Văn hóa Xã hội

1. Giáo dục đào tạo:

Ngành giáo dục tiếp tục nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực, triển khai đổi mới chương trình, nội dung sách giáo khoa và phương pháp dạy và học. Tổ chức ôn tập và kiểm tra, đánh giá thi học kỳ và tổng kết năm học; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia năm 2019, tuyển sinh đại học, thi tuyển sinh lớp 10 và các hoạt động hè năm 2019. Thực hiện rà soát cơ sở vật chất, trang thiết bị tối thiểu của các trường học, cơ sở giáo dục đào tạo, trên cơ sở đó có kế hoạch thực hiện cải tạo sửa chữa, mua sắm bổ sung kịp thời đảm bảo năm học mới 2019 - 2020. Đến nay, đã có 206 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 29,10%; trong đó, có 52/180 trường mầm non, 83/322 trường tiểu học (trong đó có 1 trường đạt mức độ 2), 53/157 trường THCS và 18/49 trường THPT.

Ngày 12/9/2019, UBND tỉnh An Giang đã phối hợp với Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức Lễ công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Trường ĐH An Giang là Trường ĐH thành viên của ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

2. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tiếp tục được tăng cường, nhất là sốt xuất huyết, tay chân miệng. Tuy nhiên tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, đến ngày 20/10/2019, toàn tỉnh xảy ra 5.461 ca sốt xuất huyết, trong đó có 01 ca tử vong; đã phát hiện và xử lý tổng cộng 1.608 ổ dịch SXH trên địa bàn toàn tỉnh (địa phương có nhiều ổ dịch nhất là huyện Chợ Mới với 409 ổ dịch, Tịnh Biên 200 ổ dịch, An Phú 197 ổ dịch...). So với cùng kỳ năm 2018 số mắc tăng 69%. Xảy ra 1.906 ca tay chân miệng, không có tử vong, so với cùng kỳ 2018 số mắc tăng 75%.

Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tiếp tục được đẩy mạnh. Ngành đã tổ chức kiểm tra xác nhận kiến thức ATVSTP đối với người trực tiếp sản xuất chế biến và kinh doanh thực phẩm cho các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống và cơ sở sản xuất; tổ chức triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2019 và triển khai tập huấn cho tuyến huyện, thị, thành phố về việc điều tra ngộ độc thực phẩm và chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Tính từ đầu năm đến nay trong tỉnh đã xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm tại xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn do ăn phải sò biển với tổng số người mắc là 04, trong đó có 01 người tử vong.

3. Lao động – việc làm, an sinh xã hội

- *Lao động, việc làm*: Tình hình lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định. Tuy nhiên, quan hệ lao động ở một số doanh nghiệp chưa thực sự hài hòa, đã xảy ra 02 vụ đình công, lãn công tại doanh nghiệp; xảy ra 09 vụ tai nạn lao động làm chết 11 người. Từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp cho 17.075 người (trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng), đạt tỷ lệ 68,3% kế hoạch năm; giải quyết cho trên 22.618 lao động, đạt 75,6% kế hoạch, trong đó có 430 lao động đi làm việc tại nước ngoài: Nhật Bản 292 lao động, Đài Loan 100 lao động, Hàn Quốc 21 lao động, còn lại là tại các thị trường khác.

- *Thực hiện chính sách đối với người có công*: Tiếp tục quan tâm, đẩy mạnh phong trào chăm lo cho người có công với cách mạng. Đã tổ chức lễ công bố Quyết định của Chủ tịch nước phong tặng và truy tặng 11 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; 12 Huân chương Độc lập cho 12 hộ gia đình có nhiều liệt sĩ. Hỗ trợ 20.800 người có công và thân nhân được mua và cấp thẻ bảo hiểm y tế. Tổ chức đưa 743 người có công đi điều dưỡng tập trung và thực hiện chế độ điều dưỡng tại gia đình gần 2.500 người có công theo quy định.

Ngoài ra, thực hiện tặng quà Tết, Lễ 27/7 của Chủ tịch nước cho gần 28.000 lượt đối tượng có công thuộc diện được hưởng; trợ cấp quà thêm từ ngân sách địa phương cho trên 49.100 lượt người; tổ chức họp mặt, đi thăm tặng quà cho trên 5.000 lượt đối tượng và gia đình chính sách có công; tổ chức lễ viếng nghĩa trang liệt sĩ tỉnh An Giang; phối hợp thực hiện Lễ cải táng hài cốt liệt sỹ hy sinh qua các thời kỳ được quy tập chủ yếu từ đất bạn Campuchia về an táng tại Nghĩa trang liệt sĩ Dốc Bà Đắc.

- *Giảm nghèo, bảo trợ xã hội*: Tiếp tục tổ chức và thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, dự án chương trình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh; các chính sách hỗ trợ về tín dụng, giáo dục, y tế... cho người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội. Kết quả giảm nghèo năm 2019 đạt kế hoạch đề ra.

4. Văn hoá - Thể thao

- *Hoạt động văn hóa, văn nghệ*: Hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức nhiều hình thức đa dạng, phong phú về nội dung gắn liền với các ngày lễ, sự kiện quan trọng của đất nước như: Mừng Xuân Kỷ Hợi năm 2019, kỷ niệm 89 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; Lễ hội cấp quốc gia Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam năm 2019; kỷ niệm 230 năm thành lập Phủ Đông Xuyên...; tuyên truyền nhiệm vụ chính trị gắn với tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Công tác thanh tra, kiểm tra các tụ điểm kinh doanh lĩnh vực văn hóa được thực hiện thường xuyên, góp phần làm lành mạnh môi trường văn hóa trên địa bàn.

- *Hoạt động thể dục - thể thao*: được tổ chức sôi nổi, đã thu hút trên 14.000 lượt vận động viên và đông đảo quần chúng nhân dân tham gia và cổ vũ. Các đội thể thao đã thi đấu các giải thể thao vô địch quốc gia, vô địch trẻ quốc gia, giải cúp, giải thể thao các nhóm tuổi, thanh thiếu niên trong hệ

thông thi đấu quốc gia và các giải quốc tế, kết quả đoạt 393 huy chương các loại (130 HCV – 128 HCB – 135 HCD).

5. Khoa học và Công nghệ

Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh được thực hiện tốt, có nhiều đổi mới và đạt nhiều thành tựu, được nhiều tổ chức và cá nhân quan tâm và ứng dụng. Công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoa học và công nghệ cấp cơ sở được tăng cường, đã phê duyệt 31 danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (19 nhiệm vụ đợt 1 năm 2019 và 12 nhiệm vụ khoa học và công nghệ đợt 2 năm 2019) và nghiệm thu 15 nhiệm vụ, đạt 50% so với kế hoạch năm 2019.

Công tác chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ cho các đơn vị tiếp tục được thực hiện. Đã tổ chức bàn giao kết quả 12 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh từ năm 2017 - 2018 cho 19 đơn vị sử dụng là các sở, ban, ngành và huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, đây là cơ sở để nhiều nghiên cứu khoa học và công nghệ được nhân rộng và ứng dụng vào thực tiễn.

Công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa đang lưu thông trên thị trường được tăng cường, đảm bảo chính xác, khách quan, trung thực. Trong 9 tháng tháng năm 2019 đã triển khai 05 cuộc thanh tra đạt 62,5% kế hoạch năm, cùng các cuộc thanh tra liên ngành khác, góp phần ngăn ngừa các hành vi vi phạm và gian lận trong sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

6. Tài nguyên - Môi trường

- *Quản lý tài nguyên:* Tỉnh đã hoàn thành công tác thống kê đất đai tỉnh An Giang năm 2018 báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường. Kết quả: tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh năm 2018 là 353.668,02 ha (trong đó, đất nông nghiệp chiếm tỷ lệ 84,39%: 298.439,37 ha; đất phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ 15,29%: 54.086,85 ha; đất chưa sử dụng chiếm tỷ lệ 0,32%: 1.141,80 ha chủ yếu là đồi núi chưa sử dụng).

Ngoài ra, đã tổ chức rà soát, báo cáo tình hình quản lý cát sỏi lòng sông; Xây dựng Kế hoạch quản lý hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2020; Hoàn thành công tác đo đạc, cảnh báo sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh đợt II/2018 và đợt I/2019; Tiến hành đo đạc sạt lở đợt xuất 16 điểm; phối hợp, hỗ trợ các địa phương trong việc xác định vị trí, giới hạn khu vực sạt lở để tiến hành cắm mốc và cắm biển báo theo quy định. Tiếp tục triển khai các dự án thuộc Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh An Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được phê duyệt; xây dựng và trình thẩm định đề cương và dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ “Xây dựng cập nhật kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn 2050 và đánh giá khí hậu tỉnh An Giang” theo Quyết định số 1052/QĐ-TTg ngày 21/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- *Môi trường*: Thực hiện công tác quan trắc hiện trạng môi trường và quan trắc xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh và kịp thời thông báo kết quả quan trắc đến các ngành, địa phương để phục vụ công tác quản lý theo chức năng. Tập trung xây dựng và triển khai thực hiện cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ trong năm 2019 theo đối với các kế hoạch chuyên đề trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học. Phối hợp với Viện Môi trường và Tài nguyên tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch điều tra, đánh giá sơ bộ khu vực có khả năng bị nhiễm chất độc hóa học da cam/dioxin sử dụng trong chiến tranh ở tỉnh An Giang. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thu gom, xử lý rác sinh hoạt tỉnh An Giang; mở rộng 04 tuyến thu gom rác tại các huyện Tịnh Biên, Châu Thành, Chợ Mới với tổng chiều dài 30 km.

- *Công tác thanh tra, kiểm tra*: được thường xuyên thực hiện nhằm phục vụ các hoạt động bảo vệ môi trường, nuôi trồng thủy sản, phòng chống thiên tai, đồng thời cảnh báo kịp thời các diễn biến bất thường hay các nguy cơ ô nhiễm, suy thoái môi trường, sạt lở... Kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm về lĩnh vực môi trường, các cơ sở sản xuất không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thông tin và truyền thông

Triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đến tận địa chỉ người dân theo Quyết định 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Số hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích là 57.657 hồ sơ, đạt tỷ lệ 14%; tổng số hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích là 12.404 hồ sơ, đạt tỷ lệ 3%; Cổng Dịch vụ công trực tuyến cung cấp 2.876 thủ tục hành chính.

Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đạt tối thiểu theo danh mục tại Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ: Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh cung cấp tổng số dịch vụ hành chính là 2.754 dịch vụ (đạt 100%).

III. Lĩnh vực nội chính và quản lý nhà nước

1. Công tác nội vụ - cải cách hành chính:

- *Về tổ chức bộ máy*: Ban hành quyết định giao biên chế công chức và số lượng người làm việc năm 2019. Tiếp tục sắp xếp các đơn vị sự nghiệp của các sở, ngành và địa phương; thực hiện Nghị quyết 18, 19 Hội nghị Trung ương 6 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu quả và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập. Tổ chức thi tuyển công chức năm 2019, bổ sung các cơ quan, đơn vị còn thiếu. Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác quản lý và sử dụng biên chế, công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức của các đơn vị cấp tỉnh và UBND cấp huyện.

- *Cải cách hành chính*: Các hoạt động kiểm tra cải cách hành chính được thực hiện thường xuyên, qua đó đã kịp thời phát hiện những hạn chế, khuyết điểm, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động cải cách hành chính của đơn vị và nhất là việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lễ công bố kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2018: Sở Giao thông vận tải là đơn vị đứng đầu trong khối cơ quan cấp tỉnh; thành phố Châu Đốc là đơn vị đứng đầu cấp huyện.

Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) năm 2018 của tỉnh xếp hạng 28/63 tỉnh, thành phố, tăng 04 bậc so năm 2017; Chỉ số cải cách hành chính Par Index xếp hạng 8/63 tỉnh, thành phố (bằng thứ hạng với năm 2017); Chỉ số Hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI) của An Giang năm 2018 xếp hạng 25/63 tỉnh, thành phố, giảm 08 hạng so với năm 2017.

2. Công tác ngoại vụ:

Tiếp tục duy trì và tăng cường mối quan hệ đối ngoại với các Tổng lãnh sự quán các nước tại TP. Hồ Chí Minh; tham gia hội nghị phi tập trung Việt Nam – Pháp lần thứ XI, hội chợ hàng hóa nhập khẩu tại tỉnh Triết Giang – Trung Quốc... Quan hệ đối ngoại, hợp tác với các tỉnh giáp biên giới tiếp tục phát triển tốt, đã tổ chức họp định kỳ 6 tháng đầu năm 02 tỉnh Tàkeo, Kandal - Campuchia; tăng cường hợp tác công tác phòng chống tội phạm biên giới.

Công tác lễ tân - lãnh sự được thực hiện nhanh, gọn, đảm bảo tính trọng thị, chu đáo; hướng dẫn và quản lý tốt hoạt động của các đoàn vào đoàn ra, khách quốc tế đến thăm, làm việc, hoạt động nhân đạo, từ thiện và tác nghiệp báo chí. Đến ngày báo cáo, có 104 đoàn vào với 441 người đến làm việc với các sở, ban ngành tỉnh, đồng thời cho phép 326 đoàn ra với 1.214 lượt người xuất cảnh sang các nước tham dự hội nghị, hội thảo và học tập kinh nghiệm.

3. Công tác tiếp công dân - thanh tra

- Công tác tiếp dân tiếp tục được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện có nhiều chuyển biến tích cực; quá trình giải quyết có sự chỉ đạo tập trung thống nhất của các cấp ủy Đảng, chính quyền đã rà soát, vận dụng các chính sách an sinh xã hội, các chính sách có lợi nhất để công dân chấm dứt khiếu nại; lượng đơn thẩm quyền được các cơ quan chuyên môn tham mưu giải quyết kịp thời, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

Trong kỳ, toàn tỉnh đã tổ chức tiếp 6.998 lượt người, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước (tăng 766 lượt người). Nội dung tiếp công dân chủ yếu về chính sách bồi thường, hỗ trợ thuộc các dự án đang triển khai trên địa bàn tỉnh; tiếp nhận 1.650 đơn, giảm 8% so với cùng kỳ (giảm 146 đơn), trong

đó, nhận mới 1.605 đơn, kỳ trước chuyển sang 45 đơn, gồm: 929 đơn khiếu nại, 129 đơn tố cáo và 592 đơn kiến nghị, phản ánh.

Kết quả xử lý đơn khiếu nại, tố cáo: Đơn không thuộc thẩm quyền đã xử lý 1.414 đơn: Chuyển đến cơ quan có thẩm quyền 526; rút đơn 25; trả và phúc đáp công dân đến cơ quan có thẩm quyền 173 đơn; phiếu hướng dẫn 157 đơn; đơn lưu do đơn trùng lặp, đơn không rõ địa chỉ, không ký tên, đơn mạo danh, nặc danh, đơn không đủ điều kiện xử lý 533 đơn. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm tra, rà soát giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp kéo dài theo Quyết định 1849/QĐ-TTg, Tỉnh đã báo cáo 6 trường hợp cho tổ Công tác của Thủ tướng Chính phủ; tổ chức tiếp 107 lượt công dân thường xuyên đeo bám ở Hà Nội.

- *Công tác thanh tra*: Thanh tra hành chính, toàn ngành đã thực hiện 71 cuộc thanh tra hành chính, qua đó phát hiện 40/140 đơn vị sai phạm, đã thu nộp ngân sách hơn 1,5 tỷ đồng và 31.501m² đất. Tổ chức 220 cuộc thanh tra chuyên ngành, trong đó 114 cuộc có thành lập đoàn, 106 cuộc thanh, kiểm tra độc lập. Qua đó phát hiện 5.333 tổ chức cá nhân vi phạm, thu nộp hơn 5,56 tỷ đồng.

Thanh tra Chính phủ công bố chỉ số đánh giá về công tác phòng chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2017 (PACA Index 2017), kết quả tỉnh An Giang đạt điểm cao nhất cả nước với 77,96 điểm, điểm trung bình cả nước là 61,28 điểm.

4. Quốc phòng, an ninh trật tự và an toàn xã hội

Công tác trực sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ các địa bàn, mục tiêu trọng yếu được thực hiện nghiêm ngặt. Các lực lượng chức năng đã tổ chức thực hiện tốt công tác nắm tình hình, quản lý chặt các đối tượng, đề xuất giải quyết kịp thời các vụ tranh chấp, khiếu kiện đông người; triển khai đồng bộ các biện pháp tấn công, trấn áp tội phạm và đảm bảo an ninh trật tự.

Công tác tuyển quân năm 2019 được tổ chức thành công, toàn tỉnh có 1.200 thanh niên trong tỉnh trúng tuyển, tham gia nghĩa vụ quân sự; công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được đánh giá đúng quy định pháp luật và các hướng dẫn của Hội đồng nghĩa vụ Quân sự tỉnh.

Đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh xảy ra 224 vụ phạm pháp hình sự, giảm 5,48% so cùng kỳ, trong đó có 34 vụ án nghiêm trọng; phát hiện bắt 1.018 vụ buôn lậu, vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới, tăng 7,4% so cùng kỳ; phát hiện bắt 131 vụ liên quan đến ma túy, với 184 đối tượng, tăng 13,9%; phát hiện 479 trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường, tăng 42,1%; xảy ra 16 vụ cháy, ước thiệt hại khoảng 9,7 tỷ đồng. Xảy ra 51 vụ tai nạn giao thông, làm 48 người chết, 23 người bị thương, so cùng kỳ số vụ giảm 26%, số người chết giảm 31,5%, số người bị thương giảm 41% so cùng kỳ.

Tính từ đầu năm, mưa giông làm ảnh hưởng đến 1.572 căn nhà; trong đó, có 80 căn nhà bị sập hoàn toàn và 1.492 căn bị tốc mái, xiêu vẹo; làm chết 02 người do bị sét đánh và bị thương 01 người do cây ngã đè. Xảy ra 28 điểm sụp lún, sạt lở đất bờ sông, kênh, rạch. Tổng chiều dài sạt lở 1.756m, ảnh hưởng đến 104 căn nhà, ước thiệt hại gần 30 tỷ đồng.

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Những điểm nổi bật, công việc trọng tâm:

Trong bối cảnh có những thuận lợi và nhiều khó khăn, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo, điều hành theo Chương trình công tác ban hành từ đầu năm và những nội dung phát sinh bổ sung sát với tình hình thực tế của địa phương; chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện đồng bộ, quyết liệt Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.

Đến ngày báo cáo, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức và tham dự hơn 565 cuộc họp, làm việc với các đơn vị liên quan; ban hành 3.367 văn bản chỉ đạo điều hành, trong đó có 2.584 quyết định, 1083 công văn UBND tỉnh, 5.439 văn bản Văn phòng truyền đạt ý kiến Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo, điều hành trên các lĩnh vực sau:

- Tập trung chỉ đạo, điều hành linh hoạt và quyết liệt trong việc thực hiện các giải pháp ổn định kinh tế, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và phòng chống dịch bệnh trên gia súc gia cầm, nhất là dịch tả lợn Châu Phi; công tác phòng chống hạn mặn, phòng chống cháy rừng, sạt lở bờ sông; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại; đẩy mạnh cải cách hành chính, tháo gỡ khó khăn tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; chỉ đạo tiếp tục thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh. Tổ chức công bố các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 và tiếp tục kiểm tra thực hiện các xã theo kế hoạch của năm 2019. Xây dựng kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2019 tỉnh An Giang.

- Tập trung triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021. Đẩy mạnh cải cách hành chính, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, Trung tâm hành chính công của tỉnh hoạt động khá hiệu quả, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn đạt trên 99%. Các chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (Par Index) đều tăng điểm và tăng hạng so cùng kỳ. Tiếp tục Tổ chức sắp xếp bộ máy hành chính theo Nghị quyết 18 và 19-NQ/TW của Hội nghị TW 6 nhằm

tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân Kỷ Hợi năm 2019; đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau Tết Nguyên đán Kỷ Hợi; Quan tâm thực hiện các chính sách bảo đảm an sinh xã hội và cải thiện đời sống nhân dân; phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao và giải quyết có hiệu quả các vấn đề về xã hội, môi trường bức xúc.

- Tập trung giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo còn tồn đọng; đẩy mạnh công tác tiếp và đối thoại với công dân..., không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người nhằm ổn định tình hình phát triển kinh tế - xã hội. Chỉ đạo thực hiện các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm; tăng cường kiểm soát, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Tiếp và đăng ký làm việc với các Bộ, ngành Trung ương nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của tỉnh như: Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Quốc phòng, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Ủy ban Khoa học của Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước...

2. Công tác phối hợp Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên:

Tiếp tục thực hiện tốt Quy chế phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh công tác chuẩn bị phục vụ các kỳ họp HĐND tỉnh, họp Thường trực HĐND tỉnh; quan tâm chỉ đạo nâng cao chất lượng nội dung các văn bản trình HĐND tỉnh, các báo cáo chuyên đề phục vụ công tác giám sát của Thường trực và các Ban HĐND tỉnh.

Trên cơ sở các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã cụ thể hoá thành các quyết định, ban hành các quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách trên từng lĩnh vực để điều hành phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kịp thời xin ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy một số nội dung lớn, có tính chất quan trọng (theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy) nhằm đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời tạo sự thống nhất, đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị.

Ủy ban nhân dân tỉnh luôn đề cao vai trò giám sát của HĐND, các ban HĐND và đại biểu HĐND tỉnh trong quá trình điều hành phát triển kinh tế - xã hội; phối hợp trong việc lấy ý kiến nhân dân, tích cực tham gia công tác phản biện xã hội đối với những vấn đề lớn của HĐND tỉnh, UBND tỉnh. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc của nhân dân, những kiến nghị chính đáng của cử tri, đại biểu HĐND tỉnh trước và sau các kỳ họp, những nội dung phản ánh của các tổ chức đoàn thể, mặt trận; khắc phục kịp thời những hạn chế, tồn tại qua kết quả giám sát của Thường trực và các Ban HĐND tỉnh.

Tăng cường phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các hội, đoàn thể tỉnh thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, công tác Dân vận chính quyền; huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, động viên nhân dân tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động, phát huy mọi nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

V. Khó khăn, hạn chế

Trong năm 2019, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh nhìn chung có nhiều chuyển biến tích cực, đạt được nhiều kết quả cao hơn so với cùng kỳ năm 2018. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại hạn chế: Giá cả các mặt hàng chủ lực (lúa, cá tra) thiếu ổn định ở mức thấp. Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, giông lốc, sạt lở bờ sông ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân; khai thác khoáng sản trái phép và chưa tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường vẫn còn tiếp diễn. Dịch bệnh trên người (sốt xuất huyết, tay chân miệng) xảy ra tăng so cùng kỳ; xuất hiện dịch tả heo Châu Phi làm gia tăng nỗi lo người tiêu dùng, ảnh hưởng đến ngành chăn nuôi của tỉnh. Công tác phòng, chống tội phạm, buôn lậu có giảm, nhưng có lúc, có thời điểm còn xảy ra nhiều vụ phức tạp. Tình trạng xâm hại trẻ em, ma túy, tín dụng đen diễn ra phức tạp gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

PHẦN THỨ HAI

Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

I. Đánh giá thuận lợi, khó khăn thực hiện Kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2020

- Năm 2020 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng, 75 năm thành lập Nước, 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Tăng trưởng kinh tế, thương mại quốc tế tiếp tục xu hướng giảm; bảo hộ thương mại gia tăng; cạnh tranh giữa các nước lớn và xung đột ở nhiều nơi gay gắt. Các thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an toàn thông tin, an ninh mạng và tội phạm ngày càng gia tăng.

- Tình hình trong nước, kế thừa thành tựu của hơn 30 năm đổi mới, thế và lực của ta ngày càng lớn mạnh; tình hình chính trị, xã hội ổn định; niềm tin của nhân dân được củng cố; tuy nhiên nền kinh tế vẫn còn những hạn chế, bất cập và tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Độ mở lớn dẫn đến các tác động tiêu cực từ bên ngoài đến kinh tế trong nước nhanh và mạnh hơn. Chúng ta cần tận dụng tốt cơ hội của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và cơ cấu dân số vàng trước thách thức của quá trình già hóa dân số. Các

vấn đề văn hóa, xã hội, môi trường đang tạo áp lực lớn đến phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng- Đối với tỉnh ta, Chính phủ quan tâm cải cách thể chế, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tham gia đầu tư trong năm 2018, 2019 sẽ tiếp tục phát huy hiệu quả trong năm 2020.

Khu vực nông – lâm - thủy sản cũng có nhiều triển vọng phát triển hơn khi giá lương thực toàn cầu tăng, thị trường xuất khẩu của tỉnh ngày càng được mở rộng; những hoạt động cải cách, tái cơ cấu nông nghiệp bắt đầu có chuyển biến tích cực, đồng thời, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp đã và đang triển khai vào thực tiễn. Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã triển khai gần 5 năm bắt đầu có hiệu ứng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng: cây ăn trái sẽ cho thu hoạch nhiều hơn. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 đạt nhiều kết quả, góp phần tích cực trong việc phát triển kinh tế.

Cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh đang ngày càng cải thiện. Đặc biệt là công trình Cầu Vàm Cống vừa hoàn thành có ý nghĩa quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển thương mại, dịch vụ, giao thương giữa An Giang với các tỉnh trong và ngoài vùng. Bên cạnh đó, hạ tầng du lịch, khu vui chơi, giải trí của tỉnh tiếp tục được nâng cấp, hoàn thiện, góp phần tăng trưởng ngành du lịch và dịch vụ của tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn nhiều khó khăn, như: trình độ sản xuất còn hạn chế; việc chuyển giao khoa học công nghệ còn chậm, chưa đáp ứng nhu cầu tăng nhanh năng suất, chất lượng sản phẩm. An Giang có những tiền đề trong sản xuất giống thủy sản, giống lúa...nhưng sản xuất còn nhỏ, lẻ, chưa tạo ra giá trị lớn đóng góp nhiều cho tăng trưởng nông nghiệp, chưa hình thành ngành sản xuất hàng hóa quy mô lớn có sức cạnh tranh cao.

Sự phát triển của ngành công nghiệp hỗ trợ tỉnh vẫn còn rất nhiều hạn chế do năng lực tổ chức, quản lý và công nghệ của các doanh nghiệp còn rất hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu hợp tác kinh doanh với các doanh nghiệp sản xuất chính; Công nghiệp chế biến, chế tạo, như ngành may mặc, da giày, chủ yếu sản xuất gia công nên giá trị gia tăng tạo ra rất ít. Các nhà máy chế biến thủy sản hiện gắn liền với vùng nuôi nguyên liệu để chủ động sản xuất song còn phụ thuộc vào thị trường xuất khẩu.

Giá trị tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh phụ thuộc chủ yếu từ sự tăng trưởng nhu cầu của các nước nhập khẩu ở mặt hàng nông, thủy sản, may mặc. Hoạt động xuất khẩu vẫn đối mặt với những thách thức ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Các vấn đề về thời tiết cực đoan, ô nhiễm môi trường dự báo sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến đời sống người dân trên địa bàn tỉnh như hiện tượng mưa giông, sạt lở, sục lún ngày càng diễn biến phức tạp; ô nhiễm môi trường tại

các khu vực gần khu công nghiệp, khu xử lý chất thải tiếp tục gây bức xúc cho người dân nếu chậm được xử lý.

Công tác phòng, chống tội phạm, buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả còn một số tồn tại, hạn chế; các loại tội phạm có tổ chức, giết người, xâm hại trẻ em, trộm cắp, ma túy, tín dụng đen, tội phạm kinh tế, tham nhũng, buôn lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả,... diễn ra phức tạp sẽ tiếp tục gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

II. Mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu

1. Mục tiêu tổng quát:

Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, khai thác có hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế ổn định, bền vững theo hướng tăng trưởng xanh; Tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp sáng tạo; Khai thác mạnh mẽ lợi thế so sánh của tỉnh trong liên kết vùng; Ứng phó và thích nghi hiệu quả với biến đổi khí hậu, chủ động phòng, chống thiên tai, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao, công nghệ sinh học vào sản xuất và chế biến; Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Tập trung đầu tư, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân; Thực hiện tốt các chính sách về giảm nghèo, đào tạo nghề nghiệp, giải quyết việc làm; giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, từng bước giảm thiểu tai nạn giao thông.

2. Dự kiến một số chỉ tiêu chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP (Giá SS 2010)	%	7,00 – 8,00
	- Khu vực Nông, lâm, thủy sản	%	2,60 – 3,04
	- Khu vực Công nghiệp và Xây dựng	%	9,67 – 11,07
	- Khu vực Dịch vụ	%	9,01 – 10,24
	- Thuế sản phẩm trừ trợ giá chính sách	%	-
2	Cơ cấu kinh tế		
	- Khu vực Nông, lâm, thủy sản	%	26,78 – 26,91
	- Khu vực Công nghiệp và Xây dựng	%	15,44 – 15,49
	- Khu vực Dịch vụ	%	56,15 - 56,26
	- Thuế sản phẩm trừ trợ giá chính sách	%	1,48 - 1,49
3	Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân	Triệu đồng/ha	192
4	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	930
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	38.434

6	Thu ngân sách từ kinh tế địa bàn (tỷ đồng)	Tỷ đồng	6.648
7	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân	%	65
8	Tỷ lệ hộ nghèo	%	<2
9	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	<4
10	Tỷ lệ dân tham gia bảo hiểm y tế	%	90
11	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường	25,9
12	Tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh phân tán	%	22,4
13	Phân đấu xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	61

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế

1.1. Lĩnh vực nông nghiệp – lâm – thủy sản

Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, tăng trưởng hợp lý, sản xuất hàng hóa lớn trên cơ sở tái cơ cấu ngành, sản phẩm gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, nâng cao hàm lượng chất xám và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp cùng với việc nâng cao giá trị canh tác và thu nhập của nông dân. Thực hiện tái cơ cấu ngành gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập và đời sống của dân cư nông thôn; chủ động phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2012-2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; triển khai các các gói hỗ trợ kỹ thuật, tài chính, thị trường cho các sản phẩm (lúa, rau an toàn, bắp lai, nấm ăn, bò thịt, tôm càng xanh, hoa-cây kiểng). Đẩy mạnh đưa các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của tỉnh tiếp cận các hệ thống phân phối trong và ngoài nước.

Tiếp tục hỗ trợ cho các doanh nghiệp xây dựng và mở rộng vùng nguyên liệu, kết hợp đầu tư nhà máy sơ chế, kho bảo quản, tồn trữ sản phẩm gần vùng nguyên liệu. Đồng thời, thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác tham gia vào mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo quy định của Chính phủ và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện chuyển dịch đất lúa kém hiệu quả sang những loại cây hoa màu có giá trị kinh tế cao hơn. Triển khai áp dụng chương trình “3 giảm, 3 tăng” và “1 phải, 5 giảm”, mở rộng áp dụng Global GAP, Viet GAP để giảm giá thành, nâng cao năng suất và lợi nhuận cho người dân. Triển khai tái cơ cấu ngành hàng lúa gạo 2016-2020, thay đổi cơ cấu giống lúa gieo trồng

theo hướng tăng những giống lúa chất lượng cao có thương hiệu được doanh nghiệp bao tiêu với giá mua được đặt trước.

Nghiên cứu ứng dụng hiệu quả các chính sách đột phá về khoa học và công nghệ để nâng cao năng suất lao động, sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Có giải pháp thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông thôn, nhất là các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp; Triển khai các giải pháp phát triển thị trường, tháo gỡ rào cản, tạo thuận lợi cho tiêu thụ nông sản; tăng cường gắn kết 4 nhà trong sản xuất nông nghiệp tạo chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm; tăng sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế hướng tới một nền nông nghiệp hữu cơ, chất lượng và có giá trị kinh tế cao.

1.2. Lĩnh vực công nghiệp- xây dựng

a) Công nghiệp - TTCN

Cơ cấu lại ngành công nghiệp của tỉnh, trong đó, tập trung hỗ trợ vào những ngành công nghiệp nền tảng, có lợi thế cạnh tranh và có ý nghĩa chiến lược đối với tăng trưởng nhanh, bền vững của tỉnh; lựa chọn sản phẩm chủ yếu của ngành công nghiệp chủ lực để ưu tiên hỗ trợ phát triển.

Tiếp tục thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Công Thương tỉnh An Giang đến năm 2020; Triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự Phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh An Giang.

Tiếp tục tập trung thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong đổi mới công nghệ, nâng cao giá trị sản xuất, đổi mới mô hình quản lý để hạ giá thành, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Tạo điều kiện cho các dự án đầu tư, nhất là các dự án có quy mô lớn đi vào hoạt động để tăng nhanh sản lượng công nghiệp góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển ngành công nghiệp và tạo đà tăng trưởng cho năm tiếp theo.

Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ của cơ quan quản lý nhà nước ngành công thương; Phát triển nguồn nhân lực ngành công thương phục vụ yêu cầu của cuộc CMCN 4.0. Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, nâng lực của cơ sở, doanh nghiệp ngành công thương về công nghiệp 4.0; Hỗ trợ cơ sở, doanh nghiệp ngành công thương tiếp cận, ứng dụng và phát triển công nghệ.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2025. Tăng cường mời gọi đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp ưu tiên các ngành công nghiệp thu hút nhiều lao động địa phương; Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các công trình khu, cụm công nghiệp gắn với lợi thế vùng kinh tế trọng điểm.

b) Đầu tư xây dựng

Tập trung triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 theo quy định của pháp luật về đầu tư công, quy định của Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 5/8/2014, số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1100/BKHĐT-TH ngày 27/02/2015 và số 4028/BKHĐT-TH ngày 14/6/2018. Dựa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020, xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm của Tỉnh; kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc phát sinh; đảm bảo các dự án thực hiện đạt chất lượng, đúng tiến độ và đạt hiệu quả đầu tư đặt ra. Tạo điều kiện để nhân dân tham gia giám sát các công trình xây dựng nhằm phát huy dân chủ và bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả trong đầu tư.

Chủ động khai thác mọi nguồn lực trong Tỉnh để phục vụ cho đầu tư, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông. Tiếp cận, tranh thủ tối đa các nguồn vốn nước ngoài (vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài) để đầu tư các chương trình, dự án trọng điểm của Tỉnh.

1.3. Lĩnh vực dịch vụ

a) Thương mại

Tiếp tục triển khai thực hiện các đề án, chương trình, kế hoạch phát triển thương mại như: Đề án phát triển thương mại biên giới tỉnh An Giang giai đoạn từ nay đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án Phát triển hệ thống logistics trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Tiếp tục tăng cường mời gọi nhà đầu tư xây dựng mới các công trình phát triển hạ tầng thương mại như: hỗ trợ Liên hiệp HTX Việt Nam nâng cấp, xây dựng mới trên nền cũ tại một số chợ trên địa bàn tỉnh; Hỗ trợ Liên hiệp HTX TM TP. HCM (Saigon Co.op) đầu tư xây dựng mới các siêu thị tại huyện Chợ Mới, Phú Tân; Hỗ trợ Công ty CP Bách hóa xanh phát triển các cửa hàng tiện lợi Bách hóa xanh; Hỗ trợ CN An Giang - Công ty CP DV TM tổng hợp Vincommerce phát triển các cửa hàng tiện lợi Vinmart + trên địa bàn tỉnh để kinh doanh các mặt hàng thiết yếu, nông sản an toàn phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân.

b) Xuất, nhập khẩu

Đẩy mạnh phát triển xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh theo hướng đa dạng hóa thị trường, chú trọng các mặt hàng chủ lực và tiềm năng, bên cạnh giữ vững thị trường truyền thống. Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các

dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ theo hướng chuỗi giá trị nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng giá trị xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của tỉnh.

Tiếp tục triển khai thực hiện các đề án, chương trình, kế hoạch phát triển ngành đã được UBND tỉnh phê duyệt: Đề án phát triển thương mại biên giới tỉnh An Giang giai đoạn từ nay đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án Phát triển hệ thống logistics trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030.

c) Du lịch

Phát triển du lịch thành kinh tế mũi nhọn theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật đồng bộ, hiện đại và phát triển các sản phẩm có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động số 59/CTr-UBND ngày 13/02/2017 của tỉnh về phát triển hạ tầng du lịch tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025, Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 phê duyệt “Chương trình khoa học và công nghệ Nghiên cứu phát triển du lịch tỉnh An Giang” giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 18/01/2013 của BCH Đảng bộ tỉnh về “Đẩy mạnh Phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020” và Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 20/01/2014 của UBND tỉnh, Chương trình hành động số 59/CTr-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh về phát triển hạ tầng du lịch phát triển hạ tầng du lịch tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.

Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá du lịch An Giang trong và ngoài nước; Khai thác hợp lý các nguồn lực phát triển du lịch theo hướng bảo vệ môi trường nhằm phát triển bền vững; Chủ động thực hiện liên kết vùng trong phát triển du lịch, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch để tăng lượng khách du lịch đến An Giang. Đẩy mạnh đào tạo, thu hút nguồn nhân lực du lịch theo tiêu chuẩn chất lượng chung của cả nước và từng bước tiếp cận với các tiêu chuẩn quốc tế.

1.4. Phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư

Tiếp tục tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để thu hút ngày càng nhiều doanh nghiệp và nhà đầu tư tham gia đăng ký thành lập và đầu tư trên địa bàn tỉnh; củng cố, kiện toàn, nâng chất hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã hiện đang hoạt động. Đồng thời, quan tâm xây dựng, phát triển hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã kiểu mới tại các xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 08/02/2018 về phát triển doanh nghiệp tỉnh An Giang đến 2020 và Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 19/3/2018 triển khai Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh An Giang. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 377/CTr-UBND ngày 14/7/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 31/5/2018 về thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ gắn với cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh An Giang.

Tăng cường giải pháp thúc đẩy đầu tư của các thành phần kinh tế khác; tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào các lĩnh vực có khả năng thu hồi vốn. Thực hiện hỗ trợ tài chính (cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh tín dụng) theo Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang: “Hỗ trợ tài chính (cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh tín dụng) cho... tổ hợp tác, hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã thực hiện sản xuất kinh doanh thuộc 08 nhóm sản phẩm nông nghiệp được quy hoạch sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao của tỉnh.

1.5. Tài chính, ngân hàng

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính hiệu quả, công bằng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Trung ương về các giải pháp điều hành tiền tệ và tài khoá.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp mở rộng tín dụng hiệu quả đi đôi với kiểm soát chất lượng tín dụng, nhất là đối với các lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, ứng dụng công nghệ cao...), hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, gắn với thực hiện các chính sách tín dụng trọng điểm của ngành, các chương trình, đề án của tỉnh, nhất là tổ chức thực hiện Nghị quyết 09/NQ-TU ngày 27/6/2012 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy An Giang về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

2. Phát triển văn hóa - xã hội

- Xây dựng nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại, xã hội hóa và hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, bậc học; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; tăng cường an ninh, an toàn trường học; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng với nhu cầu phát triển của xã hội; coi trọng giáo dục lý tưởng, đạo

đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành. Đầu tư cơ sở vật chất ngành Giáo dục đáp ứng yêu cầu áp dụng chương trình mới theo quy định.

- Tiếp tục xây dựng củng cố hệ thống y tế theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của nhân dân về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe; giảm tỷ lệ mắc và tử vong do bệnh tật, nâng cao sức khỏe, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng dân số, góp phần vào cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thực hiện tốt mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội, đặc biệt vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc; các hoạt động bảo trợ, trợ giúp xã hội; chính sách người có công cách mạng. Nâng chất lượng giáo dục nghề nghiệp, gắn kết giáo dục nghề nghiệp với giải quyết việc làm. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động sang thị trường có thu nhập cao.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp các khu, điểm du lịch, các lễ hội địa phương, các dịch vụ phục vụ du lịch, tạo sự đa dạng, đặc trưng về văn hoá để thu hút du khách trong và ngoài tỉnh, nhất là trong các dịp lễ hội, du lịch hè; chấn chỉnh công tác tổ chức lễ hội, xây dựng trái phép trong các khu điểm du lịch trọng điểm và tình trạng chèo kéo du khách tại các điểm tham quan, du lịch.

Nâng cao hiệu quả các thiết chế văn hóa; thực hiện tốt Cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh và phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới.

- Phát huy vai trò của khoa học - công nghệ và xem khoa học - công nghệ là đòn bẩy của quá trình tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Đẩy mạnh các nghiên cứu về mô hình chuyển dịch cơ cấu, tổ chức lại sản xuất; Ưu tiên đầu tư các nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ nhằm tăng cường hàm lượng khoa học và công nghệ trong các sản phẩm chủ lực của tỉnh, tạo nhiều sản phẩm mới, sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 28/02/2013 của Tỉnh ủy về “Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

3. Quản lý tài nguyên – môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu

Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường gắn với việc thực hiện tăng trưởng xanh; vào cuộc hưởng ứng các phong

trào giảm thiểu rác thải nhựa, nói không với đồ nhựa dùng một lần; Chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn và các vấn đề môi trường. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ tài nguyên môi trường tài nguyên khoáng sản theo hướng sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Tổ chức tổng kết việc triển khai thực hiện Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 21/6/2016 của UBND tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 62-KH/TU ngày 26/8/2013 của Tỉnh ủy về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang, giai đoạn 2016 – 2020.

Tăng cường sự phối hợp liên ngành, liên vùng trong khai thác, sử dụng nguồn nước; phối hợp trong khai thác và kiểm soát nguồn tài nguyên cát, chống sạt lở bờ sông, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản của người dân sống và sản xuất ven sông. Tăng cường thanh kiểm tra, tập trung lĩnh vực khai thác cát trái phép, ảnh hưởng sạt lở, xả thải ra môi trường. Kiên quyết xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

4. Lĩnh vực nội chính và quản lý nhà nước

Triển khai và giám sát việc thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh.

Thực hiện tổng kết các Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ X và xây dựng các chương trình hành động Tỉnh ủy phục vụ Đại hội XI Đảng bộ tỉnh.

Phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các cơ quan của Đảng, HĐND, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức, đoàn thể các cấp. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước ở tất cả các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị; tổ chức thành công Đại hội thi đua yêu nước các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ X. Phát huy hơn nữa ý thức trách nhiệm, tinh thần đổi mới sáng tạo và nỗ lực vượt khó, vươn lên của từng cán bộ, công chức, viên chức và từng người dân, doanh nghiệp đóng góp cho phát triển quê hương đất nước.

Rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với cải cách tiền lương theo Nghị quyết Trung ương. Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp gắn với nâng cao năng lực quản lý, điều hành của các cấp, các ngành. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu.

Xây dựng và đưa vào triển khai Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh của các sở, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện (chỉ số DDCI). Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) đạt hiệu quả.

Tiếp cận khai thác hiệu quả cách mạng công nghiệp 4.0 vào lĩnh vực quản lý nhà nước. Đẩy mạnh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử, đồng thời quan tâm, tạo điều kiện, nhất là xây dựng hành lang pháp lý, định hướng hỗ trợ doanh nghiệp tăng năng lực ứng dụng kinh tế số; sớm hoàn thành khuôn khổ pháp lý để phát triển kinh tế số, kinh tế chia sẻ.

Đẩy mạnh công tác thông tin, báo chí, truyền thông; phát triển hiệu quả, lành mạnh hệ thống báo chí; chủ động, kịp thời cung cấp và tiếp nhận thông tin phản ánh của doanh nghiệp, người dân, nhất là trong đấu tranh phòng chống suy thoái đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí; biểu dương nhân tố tích cực, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt. Ngăn chặn, xử lý kịp thời các thông tin xấu, độc trên mạng xã hội.

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị xử lý sau thanh tra. Tập trung giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo còn tồn đọng; đẩy mạnh công tác tiếp và đối thoại với công dân..., không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người.

Củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, xã hội; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển KTXH. Đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Tăng cường các biện pháp phòng chống và đấu tranh triệt phá các loại tội phạm. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ.

Trên là báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2020 phục vụ Hội Tở Đại biểu HĐND tỉnh.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- CT, các P.CT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Vp.UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc Vp.UBND tỉnh;
- Lưu HCTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Nung